

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TRI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/6/2021  
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Đức.

2. Bà Hà Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:**  
Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1989. (vắng mặt có đơn)

ĐKTT: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1986. (vắng mặt)

ĐKTT: Ấp 1, xã AN, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và Nguyễn Ngọc V tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hiệp vào ngày 23/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không lo đi làm kiếm tiền chăm lo gia đình, làm công việc gì cũng không ổn định, còn có tính ăn chơi, cờ bạc, gây nợ nần. Chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không sửa đổi nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Đến cuối năm 2019, chị và anh V sống ly thân cho đến nay, chị sống cùng với con tại nhà cha mẹ ở xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, còn anh V thì sống tại nhà cha mẹ anh ở xã AN. Từ khi ly thân đến nay, anh V và chị không có liên lạc và anh V cũng không tới lui thăm con. Gia đình hai bên cũng không có tới lui với nhau. Nay chị và anh V đã không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị K, sinh ngày 27/7/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc V không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị M và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

*\* Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục:* Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn được triệu tập họp lệ

nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị K, sinh ngày 27/7/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

+ Về Tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Ngọc V kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị M và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn nên cương quyết ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn giữa chị M và anh V, nhưng qua những mâu thuẫn mà chị M trình bày, cộng thêm việc anh V không đến Tòa chứng tỏ anh V không có thiện chí hàn gắn cùng chị M. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh V có một con chung tên Nguyễn Thị K, sinh ngày 27/7/2017. Hiện cháu Yến đang sống cùng chị M. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị M là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc

học hành cũng như tâm sinh lý của cháu Yến và cũng phù hợp với nguyện vọng cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận giao một con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên được HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Lê Thị M ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V.

2. Về con chung: Chị Lê Thị M có quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị K, sinh ngày 27/7/2017. Ghi nhận việc chị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0006615 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Thị Huyền Nhung**